Các ngành tuyển sinh

Mức học phí	Ngành tuyển sinh	Ngành đào tạo (thuộc nhóm ngành)	Khoa/ Viện	Ghi chú	Thời gian	Môn thi viết
Khoa Văn 23.000 NDT/năm	Ngôn ngữ Trung Quốc(Hướng văn hóa Trung Quốc dành cho người nước ngoài)	Ngôn ngữ Trung Quốc (đối ngoại)	Học viện Giao lưu Văn hóa Quốc tế	(1) Chuyên ngành dành riêng cho sinh viên quốc tế (2) Không được chuyển ngành	4 năm	1. Ngữ văn (HSK cấp 5 từ 210 điểm trở lên mới đủ điều kiện dự thi) 2. Tiếng Anh
	Ngôn ngữ Trung Quốc(Hướng tiếng Trung thương mại dành cho người nước ngoài)	Ngôn ngữ Trung Quốc (đối ngoại)	Học viện Giao lưu Văn hóa Quốc tế	(1) Chuyên ngành dành riêng cho sinh viên quốc tế (2) Không được chuyển ngành		
	Văn học	Ngôn ngữ	Khoa	Một phần		1. Ngữ văn

	Trung Quốc	và Văn học Trung Quốc	Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc	học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		2. Toán 3.Tiếng Anh
	Ngôn ngữ Trung					
	Lịch sử	Lịch sử học	Khoa Lịch sử			
	Văn vật và Bảo tàng học		Khoa Văn vật và Bảo tàng học	Không khuyến khích người có bệnh mù màu/mù ánh sáng đăng ký		
	Triết học	Nhóm ngành Triết học	Khoa Triết học			
	Tôn giáo học					
	Luật học	Luật học	Khoa Luật	Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Tiếng	Tiếng	Khoa			

	Anh	Anh	Ngoại ngữ và Văn học Quốc tế			
	Biên - Phiên dịch	Biên - Phiên dịch				
	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp				
	Tiếng Đức	Tiếng Đức				
	Tiếng Nhật	Tiếng Nhật				
	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Tây Ban Nha				
	Tiếng Nga	Tiếng Nga		Không được chuyển ngành		
	Tiếng Hàn	Tiếng Hàn				
	Báo chí	Báo chí	Khoa Báo chí và Truyền thông			

	Phát thanh – Truyền hình	Nhóm ngành Báo chí và Truyền thông				
	Truyền thông	Nhóm ngành Báo chí và Truyền thông				
	Quảng cáo	Nhóm ngành Báo chí và Truyền thông				

Mức học phí	**Ngành tuyển sinh**	**Ngành đào tạo (thuộc nhóm ngành)**	**Khoa/ Viện**	**Ghi chú**	**Thời gian**	**Môn thi viết**
Khoa Văn 23.000 NDT/năm	Khoa học chính trị và Hành chính công	Khoa học xã hội Hệ thử nghiệm	Khoa Quan hệ Quốc tế và Quản lý công	Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh	4 năm	1.Ngữ văn 2.Toán 3.Tiếng Anh

	Quan hệ quốc tế					
	Quản lý hành chính			(1) Thành tích môn Toán THPT tốt;(2) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Xã hội học		Khoa Phát triển Xã hội và Quản trị công	Yêu cầu học lực môn Toán THPT khá trở lên		
	Công tác xã hội			Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Quản trị du lịch	Nhóm ngành Lịch sử	Khoa Du lịch học	(1) Thành tích môn Toán THPT tốt; (2) Một phần học phần giảng dạy		

				bằng tiếng Anh		
	Kinh tế học	Nhóm ngành Kinh tế học	Khoa Kinh tế học	Thành tích môn Toán THPT cần khá trở lên		
	Kinh tế quốc tế và Thương mại quốc tế					
	Tài chính					
	Bảo hiểm học					
	Tài chính công					
	Quản trị kinh doanh(bao gồm 7 chuyên ngành: Kế toán, Marketing, Quản	Nhóm ngành Quản trị	Khoa Quản trị	(1) Thành tích môn Toán THPT tốt;Khuyếnkhích học sinh có nền tảng kiến thức toán học tốt đăng ký;		

	trị công nghiệp, Quản trị nguồn nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Tài chính doanh nghiệp, Thống kê)			(2) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh; (3) Chuyên ngành cụ thể sẽ được xác định sau năm thứ nhất thông qua lựa chọn chuyên ngành và đánh giá.		
Khoa Văn (Giảng dạy bằng tiếng Anh) 80.000 NDT/năm	Kinh tế học(hướng quốc tế)	Nhóm ngành Kinh tế học(hướng quốc tế)	Khoa Kinh tế học	(1) Thành tích môn Toán THPT cần khá trở lên; (2) Giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh; (3) Không được chuyển ngành		Không thi viết. Vui lòng tham khảo quy chế tuyển sinh ngành học tương ứng.
	Tài chính học(hướng Công	Nhóm ngành Tài chính	Trường Quốc tế Tài chính	(1) Thành tích môn Toán THPT		

	nghệ Tài chính)	học(hướng Công nghệ Tài chính)		cần khá trở lên; (2) Giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh; (3) Không được chuyển ngành		

Mức học phí	**Ngành tuyển sinh**	**Ngành đào tạo (thuộc nhóm ngành)**	**Khoa/ Viện**	**Ghi chú**	**Thời gian**	**Môn thi viết**
Khối tự nhiên 26.000 NDT/năm	Toán học và Ứng dụng Toán học	Nhóm ngành Toán học	Khoa Toán	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán và Vật lý THPT tốt	4 năm	1. Ngữ văn 2. Toán 3. Tiếng Anh 4. Vật lý
	Kỹ thuật phần mềm	Kỹ thuật phần mềm	Khoa Khoa học Phần mềm	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán và Vật lý THPT tốt		

	Vật lý học	Lớp thử nghiệm khoa học tự nhiên	Khoa Vật lý	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học THPT tốt; (3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Hóa học		Khoa Hóa học			
	Hóa học năng lượng					
	Khoa học sinh học		Khoa Khoa học Sự sống			
	Công nghệ sinh học					
	Sinh học					

	Khoa học khí quyển	Lớp thử nghiệm khoa học kỹ thuật	Khoa Khoa học Khí quyển và Hải dương	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý, Hóa học THPT tốt		
	Hóa học vật liệu		Khoa Khoa học Vật liệu	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học THPT tốt		
	Vật lý vật liệu			(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý, Hóa học THPT tốt; (3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng		

				Anh		
	Khoa học và Kỹ thuật điện tử					

Mức học phí	Ngành tuyển sinh	Ngành đào tạo (thuộc nhóm ngành)	Khoa/ Viện	Ghi chú	Thời gian	Môn thi viết
Khối tự nhiên 26.000 NDT/năm	Khoa học môi trường	Lớp thử nghiệm Khoa học Kỹ thuật	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Môi trường	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học THPT tốt; (3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh	4 năm	1. Ngữ văn 2. Toán 3. Tiếng Anh 4. Vật lý
	Kỹ thuật Vật liệu		Khoa Khoa học			

	phân tử cao phân tử		Vật liệu phân tử cao			
	Thiết kế và kỹ thuật máy bay		Khoa Hàng không vũ trụ	(1) Thành tích môn Toán, Vật lý THPT tốt; (2) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Tâm lý học		Khoa Phát triển Xã hội và Quản trị công	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý, Sinh học THPT tốt		
	Khoa học và công nghệ máy tính	Lớp thử nghiệm Kỹ thuật	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	(1) Không khuyến khích người mù màu; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý THPT tốt;		

				(3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Kỹ thuật vi điện tử		Khoa Vi điện tử	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý THPT tốt; (3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Khoa học và Kỹ thuật Thông tin điện tử		Khoa Khoa học và Kỹ thuật Thông tin	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Vật lý THPT tốt		
	Kỹ thuật y sinh		Khoa Khoa học			

			và Kỹ thuật Thông tin			
	Kỹ thuật thông tin liên lạc		Khoa Khoa học và Kỹ thuật Thông tin			
	Khoa học và Kỹ thuật Quang điện tử		Khoa Khoa học và Kỹ thuật Thông tin			
	Khoa học và Kỹ thuật Trí tuệ nhân tạo		Khoa Khoa học và Kỹ thuật Thông tin			

Mức học phí	**Ngành tuyển sinh**	**Ngành đào tạo (thuộc nhóm ngành)**	**Khoa/Viện**	**Ghi chú**	**Thời gian đào tạo**	**Môn thi viết**
Y khoa(Giảng dạy bằng	Điều dưỡng học	Điều dưỡng học	Trường Y học Thượng Hải –	(1) Người mù màu không phù hợp;	4 năm	1. Ngữ văn 2. Toán 3. Tiếng

tiếng Trung) 42.000 NDT/năm			Khoa Điều dưỡng	(2) Thành tích môn Toán, Hóa học, Sinh học THPT tốt		Anh 4. Vật lý
	Dược học	Dược học	Trường Y học Thượng Hải – Khoa Dược	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học THPT tốt; (3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		
	Răng – Hàm – Mặt	Răng – Hàm – Mặt	Trường Y học Thượng Hải – Khoa Răng –	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn	5 năm	

			Hàm – Mặt	Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học THPT tốt		
	Y học lâm sàng (hệ 5 năm)	Y học lâm sàng (hệ 5 năm)	Trường Y học Thượng Hải – Khoa Lâm sàng			
	Y học cơ sở	Y học cơ sở	Trường Y học Thượng Hải – Khoa Cơ sở	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học THPT tốt; (3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh		

	Y học dự phòng	Y học dự phòng	Trường Y học Thượng Hải – Khoa Dự phòng			
	Quản lý y tế công cộng	Quản lý y tế công cộng	Trường Y học Thượng Hải – Khoa Y tế công cộng	(1) Người mù màu không phù hợp; (2) Thành tích môn Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học THPT tốt; (3) Một phần học phần giảng dạy bằng tiếng Anh	4 năm	